

Số 290 /QĐ-ĐHYKV

Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH**

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 13/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y khoa Vinh;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Thông tư 6/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-ĐHYKV ngày 13/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh về việc ban hành quy chế tuyển sinh trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-ĐHYKV ngày 13/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh về việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học;

Theo đề nghị của ông/bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Vinh (Có văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý đào tạo và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- BGH;
- Lưu VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC Y KHOA  
VINH  
Nguyễn Quốc Đạt

## THÔNG TIN

### TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-ĐHYKV ngày 31/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh)

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y khoa Vinh (Vinh Medical University).

2. **Mã trường:** YKV

3. **Địa chỉ:**

Cơ sở 1: Số 161 - Nguyễn Phong Sắc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Cơ sở 2: Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An.

4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://www.vmu.edu.vn>

5. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0383.524.062 – 0988.929.429

6. **Địa chỉ các trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh:** Fanpage Trường Đại học Y khoa Vinh ([http://www.facebook.com/truongdaihocykhoavinh/?locale=vi\\_VN](http://www.facebook.com/truongdaihocykhoavinh/?locale=vi_VN)).

7. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:** <http://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao>

#### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC (HÌNH THỨC CHÍNH QUY)

1. **Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển**

##### 1.1. Người dự tuyển

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

##### 2.2. Điều kiện dự tuyển

2.2.1. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

2.2.2. Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường;

2.2.3. Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế tuyển sinh đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển, trừ thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a), khoản 3 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh;

##### 2.2.4. Xét tuyển thẳng:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành: Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét

nghiệm Y học.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thuộc các lĩnh vực: Toán học, Sinh học, Hóa học, Vật lý; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành có môn thí sinh đạt giải;

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế thuộc các lĩnh vực: Toán học, Tiếng Anh, Hóa học, Vật lý, Sinh học, Hóa sinh, Y sinh và Khoa học sức khỏe do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo được xem xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với nội dung của đề tài. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng.

2.2.5. *Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026*: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của các môn thuộc tổ hợp môn đăng kí xét tuyển (đã bao gồm điểm cộng, điểm ưu tiên) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế quy định.

2.2.6 *Xét kết quả học tập THPT (Xét học bạ THPT)*:

a) Áp dụng tuyển sinh các ngành: Dược học, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học; Không áp dụng đối với ngành *Y khoa*.

b) Ngưỡng đầu vào chương trình đào tạo **Dược học**: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và môn Hóa/ Sinh/ Lý/ Tiếng Anh) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10.

c) Ngưỡng đầu vào chương trình đào tạo **Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học**: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và môn Hóa/ Sinh/ Lý/ Tiếng Anh) đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển:

- Đối với thí sinh dự tuyển chương trình đào tạo **Dược học** ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

+ Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo

thang điểm 10;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo **Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học** ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

+ Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

+ Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

2.2.7. *Xét tuyển hệ liên thông CD-ĐH ngành Điều dưỡng*: Thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng nhóm ngành sức khỏe phù hợp với ngành Điều dưỡng; đồng thời đảm bảo điều kiện quy định tại **khoản d mục 2.2.6** của thông báo này.

### III. NGÀNH TUYỂN SINH

#### 3.1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình/ ngành	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh
1	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	450	Phương thức 100 (tổ hợp: B00, A00) Phương thức 301 Phương thức 500
2	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	50	Phương thức 100 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 200 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 301 Phương thức 500
3	7720201	Dược học	7720201	Dược học	150	Phương thức 100 (tổ hợp: B00, A00, D07)

						Phương thức 200 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 301 Phương thức 500
4	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	350	Phương thức 100 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 200 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 301 Phương thức 500
5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	60	Phương thức 100 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 200 (tổ hợp: B00, A00, D07) Phương thức 301 Phương thức 500
6	LT7720301	Điều dưỡng VL VH hệ liên thông CĐ-ĐH	7720301	Điều dưỡng	300	Phương thức 200 (tổ hợp: B00)
<b>Tổng</b>					<b>1360</b>	

**Lưu ý:** chỉ tiêu tuyển sinh đối với phương thức xét tuyển thẳng (301) và phương thức khác (500) tối đa bằng 10% chỉ tiêu mỗi ngành

### 3.2. Tổ hợp môn xét tuyển

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học
- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học
- Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng anh

### 3.3. Phương thức tuyển sinh:

Năm 2026, Trường đại học Y khoa Vinh tuyển sinh theo các phương thức sau:

TT	Tên phương thức	Mã phương thức
1	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025	100
2	Xét tuyển thẳng theo quy định của quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301
3	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200
4	Sử dụng phương thức khác ( <i>tiếp nhận thí sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học theo Thông tư 44/2021-TT-BGDĐT và lưu học sinh nước CHDCND Lào theo Quyết định giao nhiệm vụ của UBND tỉnh Nghệ An</i> )	500

**3.4. Vùng tuyển:** Tuyển sinh trong cả nước.

**3.5. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

Quy tắc quy đổi điểm tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức tuyển sinh sẽ được Trường công bố cụ thể trên trang thông tin điện tử của Trường sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đầu vào các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe.

#### **IV. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

##### **4.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển**

###### **a) Quy định về điểm xét tuyển**

- Điểm xét tuyển đối với phương thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026: là tổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của các môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm xét tuyển đối với phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ): là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn thuộc tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm xét tuyển tối đa là 30 điểm, các môn trong tổ hợp môn xét tuyển có trọng số ngang nhau. Không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp môn xét tuyển và giữa các năm tốt nghiệp THPT (đối với xét học bạ).

###### **b) Nguyên tắc xét tuyển**

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Trong một chương trình đào tạo, không quy định chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng (301) và xét tuyển theo phương thức khác (500) theo quy định tại điều 8 Quy chế tuyển sinh.

- Đối với từng chương trình đào tạo, thí sinh được xét tuyển bình đẳng dựa vào điểm xét tuyển sau khi được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển, không phụ thuộc vào tổ hợp xét tuyển và thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng chương trình đào tạo dựa vào điểm xét tuyển sau khi được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển (xét điểm từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng chỉ tiêu tuyển sinh của chương trình đào tạo) và không thấp hơn ngưỡng điểm đầu vào.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường sử dụng tiêu chí phụ là:

Ưu tiên 1: Thí sinh có điểm cộng thấp hơn;

Ưu tiên 2: Thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là cao nhất);

Ưu tiên 3: Phương thức xét theo kết quả kỳ thi THPT năm 2026.

**c) Nguyên tắc xét tuyển thẳng:**

Xét theo chỉ tiêu tuyển thẳng của mỗi ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký vượt quá chỉ tiêu xét tuyển thẳng, sẽ xét theo tiêu chí:

- Ưu tiên 1: Thí sinh có nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là cao nhất).

- Ưu tiên 2: Thứ tự đạt giải (Học sinh giỏi quốc tế là cao nhất → Học sinh giỏi quốc gia → Thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc tế → Thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia).

**d) Nguyên tắc xét tuyển hệ liên thông CD-ĐH ngành Điều dưỡng**

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Trường sử dụng tiêu chí phụ như sau:

Ưu tiên 1: Có giấy phép/chứng chỉ hành nghề.

Ưu tiên 2: Thâm niên công tác

**4.2. Điểm cộng và điểm ưu tiên**

**a) Điểm ưu tiên:**

- Dữ liệu điểm ưu tiên được lấy từ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT

- Thực hiện chính sách ưu tiên khu vực và đối tượng theo Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học ban hành kèm theo Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ GD&ĐT.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên.}$$

*Tổng điểm đạt được = Tổng điểm các môn của tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm cộng (nếu có)*

**b) Điểm cộng**

- Điểm thưởng: áp dụng cho thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia được quy định trong **mục 2.2.4 (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng)**.

Mức điểm cộng được cộng vào tổng điểm các môn của tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30). Cụ thể:

+ Giải nhất: được cộng 3,0 điểm;

+ Giải nhì: được cộng 2,0 điểm;

+ Giải ba: được cộng 1,5 điểm;

- Điểm xét thưởng: dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30. Mức điểm cộng được cộng vào tổng điểm các môn của tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30). Cụ thể: Giải

khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia/quốc tế: được cộng 1,0 điểm.

**Lưu ý:** Thí sinh đạt giải kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia/ quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia được xem xét cộng điểm thưởng, điểm xét thường khi đăng ký xét tuyển vào ngành phù hợp với nội dung của đề tài.

- Điểm khuyến khích: dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30. (**Phụ lục I**)

**Lưu ý:** Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên). Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 03 điểm theo thang điểm 30; trường hợp tổng điểm cộng từ 03 điểm trở lên thì chỉ được tính 03 điểm.

## V. TỔ CHỨC TUYỂN SINH

### 5.1. Đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

#### a) Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm:

- Đơn đăng kí xét tuyển (*Mẫu 01 đính kèm*).
- Bản sao công chứng giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; giải khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế.
- Bản sao công chứng học bạ THPT.
- Bản sao công chứng căn cước công dân.
- + Báo cáo đầy đủ và báo cáo tóm tắt đề tài đoạt giải (bản tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia; Bản tiếng Anh và tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế).
- + Các giấy tờ minh chứng cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham dự (công văn, quyết định cử tham dự; quyết định khen thưởng...)

#### b) Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng về Trường Đại học Y khoa Vinh (Địa chỉ: 161-Nguyễn Phong Sắc, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Số điện thoại: 0383.524.062 - 0988.929.429).
- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 06/06/2026 đến 17 giờ 00' ngày 20/06/2026.
- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp (*Nộp trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, trừ ngày lễ, thứ 7, chủ nhật*) hoặc bằng thư chuyển phát nhanh (*Thời gian tính theo dấu bưu điện*).

### 5.2. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy của Trường, các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (Nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

ny

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- Nộp minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại **mục 5.4** của thông báo này.

### **5.3. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)**

- Dữ liệu kết quả học tập cấp THPT được lấy từ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh khai báo thông tin trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của thông tin khai báo. Nhà trường sẽ kiểm tra sau khi thí sinh nhập học, nếu phát hiện sai sót sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- Nộp minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại **mục 5.4** của thông báo này.

### **5.4. Đăng ký điểm cộng**

#### **a) Hồ sơ xét điểm cộng gồm:**

- Đơn đăng kí xét điểm cộng (*Mẫu 02 đính kèm*).

- Bản sao có công chứng căn cước công dân.

- Bản sao có công chứng giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; giải khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế (nếu có).

- Báo cáo đầy đủ và báo cáo tóm tắt đề tài đoạt giải (bản tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia; Bản tiếng Anh và tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế) (nếu có).

- Các giấy tờ minh chứng cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham dự (công văn, quyết định cử tham dự; quyết định khen thưởng...) (nếu có).

- Bản sao có công chứng chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (nếu có).

#### **b) Nộp hồ sơ xét điểm cộng**

- Thí sinh nộp hồ sơ xét điểm cộng về Trường Đại học Y khoa Vinh (Địa chỉ: 161- Nguyễn Phong Sắc, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Số điện thoại: 0383.524.062 - 0988.929.429).

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 06/06/2026 đến 17 giờ 00' ngày 20/06/2026.

- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp (*Nộp trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, trừ ngày lễ, thứ 7, chủ nhật*) hoặc bằng thư chuyển phát nhanh (*Thời gian tính theo dấu bưu điện*).

### **5.5. Lưu ý**

a) Tất cả thí sinh (bao gồm thí sinh được xét tuyển thẳng, xét tuyển học bạ THPT, xét kết quả thi THPT và phương thức xét tuyển khác) phải thực hiện đăng ký xét tuyển

(ĐKXT) tất cả các nguyện vọng xét tuyển, trực tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>.

- Thời gian thực hiện: từ 02/07/2026 đến 17 giờ 00 ngày 14/07/2026.

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin (nhập, sửa, xem) thông tin của thí sinh và đăng ký NVXT trên hệ thống.

- Các nguyện vọng của thí sinh ĐKXT được sắp xếp theo thứ tự từ 1 đến hết (NV 1 là nguyện vọng cao nhất).

b) Thí sinh tự do (tốt nghiệp trước năm 2026) không dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026: Khai báo thông tin và đăng ký trực tiếp tại các điểm tiếp nhận thông tin và cấp tài khoản cho thí sinh (*theo quy định và hướng dẫn của Sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú*) từ ngày 01/05/2026 đến ngày 20/05/2026.

c) Đối với phương thức xét học bạ THPT (chính quy và liên thông): ***Thí sinh phải khai báo đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm về những thông tin khai báo.***

### **5.6. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học**

- Thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển thẳng tại cổng thông tin điện tử của trường và cập nhật danh sách trúng tuyển lên hệ thống trước ngày 30/06/2026.

- Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy tắc xác định điểm trúng tuyển quy đổi tương đương trên Hệ thống và trang thông tin điện tử của Trường Đại học Y khoa Vinh trước 17h00 ngày 10/07/2026.

- Công bố mức điểm trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển lên Hệ thống trước 17h00 ngày 13/08/2026.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước 17h00' ngày 21/08/2026.

- Thời gian nhập học trực tiếp dự kiến: 29-30/08/2026.

### **5.7. Yêu cầu đối với thí sinh trúng tuyển**

- Thí sinh trúng tuyển cần xác nhận nhập học và đến trường làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không đến nhập học nếu không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học.

- Thí sinh cần nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo thông báo của nhà trường khi đến nhập học, đặc biệt là các giấy tờ liên quan đến ngưỡng đầu vào của thí sinh, điểm cộng và chế độ hưởng ưu tiên của thí sinh (nếu có). Trường có quyền từ chối tiếp nhận nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin hồ sơ nhập học.

- Sau khi thí sinh nhập học, Trường sẽ tổ chức xác minh hồ sơ nhập học của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển với nhà trường và trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Trường hợp phát hiện sai sót (nếu có), Trường có quyền buộc thôi học thí sinh hoặc xử lý theo các quy định tuyển sinh hiện hành.



M1

## VI. LỆ PHÍ VÀ HỌC PHÍ

**6.1. Lệ phí xét tuyển:** Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển bằng hình thức trực tuyến, theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: Từ ngày 15/07/2026 đến 17 giờ 00 ngày 21/07/2026.

### 6.2. Học phí:

Học phí được thu theo năm học, mỗi năm tính 10 tháng. Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-ĐHYKV ngày 16/1/2026 của Trường Đại học Y khoa Vinh, mức thu học phí năm học 2026 - 2027 đối với từng ngành đào tạo như sau:

*Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên*

Y khoa	Dược học	Y học dự phòng	Điều dưỡng	Kỹ thuật xét nghiệm	Điều dưỡng LT
3.900.000	3.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	4.350.000

## VII. THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT ĐỐI VỚI THÍ SINH

Trường cam kết thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

Trường sẽ phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng, tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, sai sót, nhầm lẫn, rủi ro xảy ra trong tuyển sinh, để bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh.

## VIII. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Y khoa Vinh (Địa chỉ: 161-Nguyễn Phong Sắc, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Số điện thoại: 0383.524.062 - 0988.929.429).

Thông tin về tuyển sinh, đào tạo được đăng tải trên website <http://www.vmu.edu.vn>

## IX. THÔNG TIN TUYỂN SINH CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT (phụ lục 2)

*Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

**CÁN BỘ KÊ KHAI**



**Nguyễn Trọng Tuấn**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Quốc Đạt**

**PHỤ LỤC 1: BẢNG QUY ĐỔI MỨC CỘNG ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH  
CHO CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ TRONG KỲ TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC NĂM 2026**

(Kèm theo thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Vinh)

Điểm cộng (theo thang điểm 30)	IELTS Academic	Cambridge Scale	TOEFL iBT	PTE Academic	TOEIC 4 kỹ năng (L&R / S&W)
0.5	5.0 – 6.0	154 – 175	35 – 78	36 – 58	L&R: 600+ /S&W:240+
1.0	6.5 – 7.0	176 – 190	79 – 101	59 – 75	L&R: 850+ /S&W:350+
1.5	≥ 7.5	≥ 191	≥ 102	≥ 76	L&R: 950+ /S&W: 80+

M

**PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024, 2025**

(Kèm theo thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Vinh)

TT	Tên ngành	Năm 2024					Năm 2025				
		Mã phương thức	Mã tổ hợp	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Mã phương thức	Mã tổ hợp	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Y khoa	100	B00	410	423	24,85	100	A00 B00	450	413	22,10
		301	XTT		0		301	XTT		0	
		500 (Lào)			06		500 (Lào)			6	
		500 (DBĐH)			08		500 (DBĐH)			10	
2	Y học dự phòng	100	B00	30	09	19	100	A00 B00 D07	30	15	17,25
		200	B00		12	22,3	200	A00 B00 D07		15	23,80
		500 (Lào)			01		500 (Lào)			1	
		500 (DBĐH)			0		500 (DBĐH)			0	
3	Dược học	100	B00 A00	160	150	23,0	100	B00 A00	160	56	19,00
		301	XTT		0		301	XTT		0	
		500 (Lào)			07		500 (Lào)			9	
		500 (DBĐH)			0		500 (DBĐH)			0	
4	Điều dưỡng	100	B00	250	200	19	100	A00 B00 D07	250	106	17,50
		200	B00		44	20,6	200	A00 B00 D07		200	23,80
		500 (Lào)			01		500 (Lào)			1	
		500 (DBĐH)			0		500 (DBĐH)			0	

5	Kỹ thuật XNYH	100	B00	60	63	19	100	A00 B00 D07	60	12	20,00
		200	B00		04	20,6	200	A00 B00 D07		58	24,90
		301	XTT		0		301	XTT		0	
		500 (Lào)			01		500 (Lào)			4	
		500 (DBĐH)			0		500 (DBĐH)			1	
6	Điều dưỡng LT VLVH	401	B00	300	282	20,0	200	B00	350	261	14,00

ML